

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ CẢ NƯỚC

Tháng 01 năm 2010

Đơn vị tính: %			
CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2010 SO VỚI			
	Kỳ gốc năm 2009	Tháng 01 năm 2009	Tháng 12 năm 2009
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	105,57	107.62	101.36
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	105,99	107.59	102.11
1- Lương thực	111,87	112.33	104.41
2- Thực phẩm	103,76	105.43	101.65
3- Ăn uống ngoài gia đình	106,88	109.88	100.98
II. Đồ uống và thuốc lá	105,56	106.77	101.14
III. May mặc, mũ nón, giày dép	104,57	105.82	101.24
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng ^(*)	109,72	113.57	101.66
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,22	104.91	100.58
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	100,82	103.05	100.27
VII. Giao thông	110,67	112.69	100.53
VIII. Bưu chính viễn thông	95,66	96.26	99.89
IX. Giáo dục	104,11	106.26	100.27
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	102,22	100.77	100.33
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	107,43	111.59	102.24
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	138,40	153.89	97.06
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	108,42	108.96	99.89

^(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng